

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

---

Tên chương trình: **Cử nhân ngành QUAN HỆ QUỐC TẾ**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Ngành đào tạo : **QUAN HỆ QUỐC TẾ (International Relations)**

Mã số : **7310206**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Bằng tốt nghiệp : **Cử nhân ngành QUAN HỆ QUỐC TẾ**

## 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

### 1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;
- Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.
- Đào tạo các cử nhân Quan hệ quốc tế có có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và am hiểu sâu về quan hệ quốc tế; có kiến thức về luật pháp và xã hội Việt Nam cũng như một số nước khác trên thế giới; hiểu biết vững vàng về các lĩnh vực kinh tế quốc tế, kinh tế Việt Nam, về môi quan hệ đối ngoại trong bối cảnh hội nhập quốc tế, khu vực hóa và toàn cầu hóa.

### 1.2. Mục tiêu cụ thể

- a) Sinh viên Quan hệ quốc tế có kiến thức nghề nghiệp vững vàng về các hoạt động đối ngoại và các hoạt động quan hệ quốc tế. Hiểu biết các chức năng, nguyên tắc, và quy trình hoạt động quan hệ quốc tế.
- b) Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên ngành quan hệ quốc tế một cách có hệ thống bảo đảm cho sinh viên hình thành tư duy khoa học và khả năng học tập suốt đời tương thích với sự thay đổi liên tục của môi trường toàn cầu.
- c) Đảm bảo sinh viên đạt chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ của ngành Quan hệ quốc tế, đạt chuẩn ngoại ngữ theo yêu cầu của ngành nghề. Sinh viên Quan hệ quốc tế có khả năng làm việc độc lập trong công việc chuyên môn, có khả năng giải quyết và khả năng quản trị những nhiệm vụ thực tiễn liên quan đến các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế, có khả năng thích ứng linh hoạt và phục vụ có hiệu quả cho công cuộc hội nhập của đất nước.
- d) Sinh viên ngành Quan hệ quốc tế có ý thức tiên phong, tôn trọng sự khác biệt, tôn trọng pháp luật, dễ dàng thích nghi và hội nhập trong những môi trường văn hóa khác nhau.

### 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo (Mục tiêu cụ thể)			
		MT a)	MT b)	MT c)	MT d)
<b>I. Kiến thức</b>					
1	Có kiến thức tổng quát về lịch sử, văn hóa của Việt Nam và thế giới; nắm được chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước Việt Nam.	x	x		
2	Có kiến thức cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế trên các lĩnh vực chính trị-ngoại giao, kinh tế quốc tế và luật quốc tế.	x		x	
3	Có thể vận dụng được lý thuyết và phương pháp nghiên cứu trong Quan hệ quốc tế vào thực tiễn để phân tích các vấn đề quốc tế đương đại.	x	x	x	x
4	Có kiến thức toàn diện mang tính liên ngành cao trong những vấn đề toàn cầu.			x	x
<b>II. Kỹ năng</b>					
1	Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong công việc chuyên môn một cách thuần thục ở môi trường quốc tế.			x	
2	Có kỹ năng truyền đạt, hướng dẫn và thảo luận khách quan những vấn đề chuyên môn.			x	x
3	Có các kỹ năng cần thiết tham gia xây dựng các chương trình hợp tác quốc tế, hoạt động đối ngoại của đơn vị: phân tích, đánh giá tình hình, đàm phán, thương lượng, quản lý chương trình, xây dựng quan hệ, xử lý khủng hoảng.	x	x	x	x
4	Có các kỹ năng cần thiết để thực hiện kế hoạch đối ngoại, quan hệ quốc tế: tổ chức sự kiện, phát ngôn, tư vấn trong đối thoại, dịch thuật, thuyết trình.		x	x	
5	Có khả năng tự cập nhật để đáp ứng các yêu cầu đa dạng của nghề nghiệp		x		x
6	Có khả năng làm việc dưới áp lực cao trong môi trường quốc tế, năng động, hợp tác tốt, có kỹ năng làm việc nhóm hoặc tác nghiệp độc lập, phán đoán, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề.			x	x
<b>III. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm</b>					
1	Đễ dàng thích nghi và hội nhập trong môi trường quốc tế đa dạng.				x

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo (Mục tiêu cụ thể)			
		MT a)	MT b)	MT c)	MT d)
2	Có ý thức công dân toàn cầu và tôn trọng sự khác biệt.	x	x		x
3	Có ý thức tuân thủ pháp luật và tự chịu trách nhiệm.			x	x
4	Có ý thức tiên phong, dám đổi mới và không ngại thử thách.		x	x	x
<b>IV. Chuẩn đầu ra tiếng Anh và tin học</b>					
1	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 trở lên hoặc tương đương.			x	x
2	Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM sát hạch.			x	x
<b>V. Vị trí công việc có khả năng đảm nhận</b>					
1	Tiếp tục học tập nghiên cứu để trở thành cán bộ giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo trong khu vực và trên thế giới.		x	x	x
2	Làm nhân viên, chuyên viên tại các vụ, đơn vị phụ trách hoạt động đối ngoại của các cơ quan quản lý nhà nước, các Bộ, các ngành, các cơ sở đào tạo, các cơ quan nghiên cứu quốc tế của Việt Nam và nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp của Việt Nam có quan hệ với nước ngoài, các công ty liên doanh, văn phòng đại diện của nước ngoài và các công ty nước ngoài tại Việt Nam.	x	x	x	x
3	Làm nhân viên đối ngoại, chuyên viên tư vấn tại các tổ chức phi chính phủ, công ty đa quốc gia, các dự án công - tư nhân. Làm biên tập viên phụ trách các chương trình thời sự - tin tức về đối ngoại, quan hệ quốc tế tại các cơ quan truyền thông, báo chí, đài truyền hình	x	x	x	x

**2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:** 4 năm

**3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ:** 130 tín chỉ. Trong đó khối lượng kiến thức tích lũy: 127 tín chỉ, khối kiến thức không tích lũy: 03 tín chỉ và kiến thức giáo dục quốc phòng an ninh theo quy định (165 tiết).

**4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp. Hồ Chí Minh.

## 5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ GD&ĐT và Quy chế đào tạo theo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp. Hồ Chí Minh.

## 6. THANG ĐIỂM

Thực hiện theo Quy chế đào tạo theo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp. Hồ Chí Minh.

## 7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
<b>I. Kiến thức đại cương</b>		<b>58</b>	<b>45 %</b>
I.1.	Khoa học	12	
I.2.	Ngoại ngữ	24	
I.3.	Tin học	3	
I.4.	Luật	3	
I.5.	Chính trị	10	
I.6.	Kỹ năng	6	
<b>II. Kiến thức chuyên ngành</b>		<b>69</b>	<b>53 %</b>
II.1.	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	57	
II.2.	Kiến thức chuyên ngành tự chọn	12	
<b>III. Kiến thức không tích lũy</b>		<b>3</b>	<b>2 %</b>
III.1.	Giáo dục thể chất	3	
III.2.	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)		
<b>Tổng cộng:</b>		<b>130</b>	<b>100%</b>

Chương trình chi tiết:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			Tổng	LT	TH/ TN	ĐA	TT		
<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>									

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/ TN	ĐA	TT		
<b>I. KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG</b>			<b>58</b>						
<b>I.1. Khoa học</b>			<b>12</b>						
I.1.01	SOS1101	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3					
I.1.02	SOC1101	Xã hội học	3	3					
I.1.03	HIS1101	Lịch sử văn minh thế giới	3	3					
I.1.04	IRE1101	Lý thuyết quan hệ quốc tế	3	3			HIS1103		
<b>I.2. Ngoại ngữ</b>			<b>24</b>						
I.2.01	ENG2101	Tiếng Anh 1	4	4					
I.2.02	ENG2102	Tiếng Anh 2	4	4					
I.2.03	ENG2103	Tiếng Anh 3	4	4					
I.2.04	ENG2104	Tiếng Anh 4	4	4					
I.2.05	ENG2105	Tiếng Anh 5	4	4					
I.2.06	ENG2106	Tiếng Anh 6	4	4					
<b>I.3. Tin học</b>			<b>3</b>						
I.3.01	ITE1201	Tin học đại cương	3	2	1				
<b>I.4. Luật</b>			<b>3</b>						
I.4.01	LAW1101	Pháp luật đại cương	3	3					
<b>I.5. Chính trị</b>			<b>10</b>						
I.5.01	POL1101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2					
I.5.02	POL1102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	3					
I.5.03	POL1103	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3					
I.5.04	POL1104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					
<b>I.6. Kỹ năng</b>			<b>6</b>						
I.6.01	SKI1107	Project design 1	3	3					
I.6.02	SKI1108	Project design 2	3	3			SKI1107		
<b>II. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>69</b>						

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/ TN	ĐA	TT		
<b>II.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</b>			<b>57</b>						
II.1.01	HIS1102	Lịch sử quan hệ quốc tế 1	3	3					
II.1.02	HIS1103	Lịch sử quan hệ quốc tế 2	3	3			HIS1102		
II.1.03	ECO1101	Kinh tế vi mô	3	3					
II.1.04	ECO1102	Kinh tế vĩ mô	3	3			ECO1101		
II.1.05	ECO1103E	Kinh tế quốc tế	3	3					
II.1.06	IRE1102	Chính sách đối ngoại Việt Nam	3	3					
II.1.07	IRE1110	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quan hệ quốc tế	3	3					
II.1.08	IRE1108E	An ninh châu Á - Thái Bình Dương	3	3					
II.1.09	IRE1106E	Các tổ chức quốc tế	3	3					
II.1.10	IRE1109E	Những vấn đề của Đông Nam Á trong thế kỷ XXI	3	3					
II.1.11	LAW1150	Công pháp quốc tế	3	3					
II.1.12	LAW1124E	Tư pháp quốc tế	3	3					
II.1.13	LAW1128E	Luật thương mại quốc tế	3	3					
II.1.14	IRE1108E	Những vấn đề toàn cầu	3	3					
II.1.15	IRE1107E	An ninh con người	3	3					
II.1.16	IRE1121	Toàn cầu hoá	3	3					
II.1.17	IRE1103E	Kỹ năng nghe và ghi chép tin quan hệ quốc tế	3	3					
II.1.18	IRE1104E	Kỹ năng đọc trong khoa học chính trị	3	3					
II.1.19	IRE1322	Thực tập tốt nghiệp	3				3		
<b>II.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong các chuyên ngành sau) hoặc Khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>12</b>						

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/ TN	ĐA	TT		
<b>II.2.1</b>	<b>Chuyên ngành Nghiệp vụ ngoại giao</b>								
II.2.1.01	IRE1112	Thư ký văn phòng đối ngoại	3	3					
II.2.1.02	IRE1113	Nghiệp vụ Lễ tân ngoại giao trong quan hệ quốc tế	3	3					
II.2.1.03	IRE1114E	Đàm phán quốc tế	3	3					
II.2.1.04	IRE1115E	Tổ chức Hội nghị quốc tế	3	3					
II.2.1.05	IRE1423	Khóa luận tốt nghiệp	12			12			
<b>II.2.2</b>	<b>Chuyên ngành Nghiệp vụ Báo chí quốc tế</b>								
II.2.2.01	IRE1116	Báo chí thông tin đối ngoại	3	3					
II.2.2.02	JOU1101	Tin và viết tin	3	3					
II.2.2.03	PUR1116E	Mạng xã hội và truyền thông tương tác	3	3					
II.2.2.04	JOU1105E	Báo in và báo điện tử	3	3					
II.2.2.05	IRE1423	Khóa luận tốt nghiệp	12			12			
<b>III. KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY</b>			<b>3</b>						
<b>III.1</b>	<b>Giáo dục thể chất</b> (sinh viên chọn 1 trong 4 nhóm sau)		3		3				
<b>III.1.1</b>	<b>Nhóm 1:</b>								
III.1.1.01	GYM1311	GDTC - Aerobic 1	1		1				
III.1.1.02	GYM1312	GDTC - Aerobic 2	1		1				
III.1.1.03	GYM1313	GDTC - Aerobic 3	1		1				
<b>III.1.2</b>	<b>Nhóm 2:</b>								
III.1.2.01	GYM1321	GDTC - Vovinam 1	1		1				
III.1.2.02	GYM1322	GDTC - Vovinam 2	1		1				
III.1.2.03	GYM1323	GDTC - Vovinam 3	1		1				
<b>III.1.3</b>	<b>Nhóm 3:</b>								
III.1.3.01	GYM1331	GDTC - Boxing 1	1		1				
III.1.3.02	GYM1332	GDTC - Boxing 2	1		1				

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/ TN	ĐA	TT		
III.1.3.03	GYM1333	GDTC - Boxing 3	1		1				
<b>III.1.4</b>	<b>Nhóm 4:</b>								
III.1.4.01	GYM1341	GDTC – Thể hình thẩm mỹ 1	1		1				
III.1.4.02	GYM1342	GDTC - Thể hình thẩm mỹ 2	1		1				
III.1.4.03	GYM1343	GDTC - Thể hình thẩm mỹ 3	1		1				
<b>III.2</b>	MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết)							

*Ghi chú:* Mã MH ký hiệu **xxxxxxxE** – môn giảng dạy bằng tiếng Anh.